

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2025/HC-PT

Ngày: 28-02-2025

V/v Khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, hành vi không ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Huynh

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 627/2024/TLPT - HC ngày 26 tháng 7 năm 2024 về “*Khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, hành vi không ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC –ST ngày 22-02-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Tiên T, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc L (có mặt)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh K

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Nguyễn Lê Quốc T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (Văn bản ủy quyền soos409/GUQ – UBND ngày 24/9/2024) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Trần Quang L1 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường T, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Ông Lê Tiến T là người sử dụng hợp pháp đối với phần đất có diện tích 21.360m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất do ông T tự khai khẩn và nhận chuyển nhượng lại của người khác từ năm 1996.

Ông quản lý sử dụng ổn định phần đất này từ thời điểm đó cho đến nay, không tranh chấp, gia đình ông trồng Tràm bông vàng, Điều, X, T2 nước và một số loại cây lâu năm khác để lấy cây sử dụng.

Đến giữa năm 2018 ông nhận được Thông báo thu hồi đất với toàn bộ diện tích đất nói trên của ông T, sau đó Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 7127/QĐ-UBND với diện tích 6.136,05m², Quyết định thu hồi đất số 7128/QĐ-UBND với diện tích 2.829,80m²; Quyết định thu hồi đất số 7129/QĐ-UBND với diện tích 710,26m²; còn lại hơn 11.660,02m² chưa có Quyết định thu hồi đất.

Ngày 13/01/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về việc hỗ trợ về đất đai, cây trồng cho ông T với số tiền hỗ trợ đất và cây trồng là 2.412.318.000 đồng, Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc hỗ trợ về đất đai, cây trồng cho ông T với số tiền hỗ trợ đất và cây trồng là 329.645.200 đồng.

Ông T không đồng ý với hai Quyết định hỗ trợ số 123/QĐ-UBND và Quyết định 124/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố P, ông T làm đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P phải ban hành Quyết định thu

hồi đất thu hồi phần diện tích 11.660,02m² và đồng thời bồi thường toàn bộ quyền sử dụng đất đã bị thu hồi của ông.

Đến ngày 02/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T, theo Quyết định này Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không thừa nhận yêu cầu giải quyết khiếu nại của ông T.

Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xem xét giải quyết:

Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

Hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Tiến T, địa chỉ ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất đối với các Quyết định thu hồi đất số 7127/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đối với diện tích 6.136,05m², tại ấp R, xã B, huyện (nay là thành phố) P Q, Quyết định thu hồi đất số 7128/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đối với diện tích 2.829,80m² tại ấp R, xã B, huyện (nay là thành phố) Phú Quốc, Quyết định số 7129/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đối với diện tích 710,26m² tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 11.660,02m², tọa lạc tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND ngày 20/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P.

Tại Văn bản số 1329/UBND-NCPC ngày 10/8/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung khởi kiện hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND, Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai cây trồng và vật kiến trúc.

Nguồn gốc diện tích 9.676,11m² – đất trồng cây lâu năm (nằm trong diện tích 10.000m²) có nguồn gốc như sau: Khoảng năm 1996 ông Lê Tiến T có làm đơn xin mượn đất gửi Ủy ban nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân xã B thông

nhất cho mượn (hiện nay đơn đã bị thất lạc - Ủy ban nhân dân xã có báo cáo danh sách kèm theo, ông T có tên trong danh sách 94 hộ dân mượn đất của xã đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K kết luận tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 27/7/2004), quá trình sử dụng đất ông T có trồng cây lâu năm.

Năm 2004, Thanh tra tỉnh Kiên Giang thành lập đoàn thanh tra đất đai tại xã B và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K kết luận xử lý vi phạm trong việc chấp hành chính sách pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang trong đó có xử lý về đất đai đối với 94 hộ mượn đất của Ủy ban nhân dân xã (trong đó có hộ ông Lê Tiến T) tạm giữ nguyên hiện trạng không giao cấp...không được xây dựng nhà kiên cố, khi nhà nước có nhu cầu sử dụng đất thì không được bồi thường (không thực hiện thu hồi đất); sau khi có kết luận nêu trên ông T vẫn tiếp tục sử dụng cho đến khi quy hoạch thực hiện Dự án.

Ngày 31/7/2019 đơn vị tư vấn (Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K) phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành điều tra thu thập thông tin, đo đạc kiểm diện tích đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, ông T thống nhất nội dung và ký vào biên bản nêu trên.

Ngày 28/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 7193/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R, đồng thời ban hành 03 Quyết định thu hồi đất đối với ông Lê Tiến T, cụ thể:

Quyết định số 7127/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của ông Lê Tiến T diện tích 6.136,05m² – đất trồng cây lâu năm.

Quyết định số 7128/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của ông Lê Tiến T diện tích 2.829,8m² – đất trồng cây lâu năm.

Quyết định số 7129/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của ông Lê Tiến T diện tích 710,26m² – đất trồng cây lâu năm.

Ngày 13/01/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND và Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc cho ông Lê Tiến T với tổng số tiền 2.741.963.200 đồng (ông T chưa nhận tiền).

Việc Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.676,11m² (theo Quyết định thu hồi số 7127, 7128, 7129/QĐ-UBND ngày 28/12/2020) cho ông Lê Tiến T là căn cứ vào các lý do cụ thể như sau:

Liên quan phần diện tích đất cho mượn nằm trong Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 27/7/2004 (trong đó có diện tích 9.676,11m²) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K kết luận tại Thông báo số 130/TB-VP ngày 22/01/2020 Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh K với nội dung “đối với phần diện tích đất mượn

đất nhà nước thì thống nhất hỗ trợ 100% giá đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về ban hành quy định bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”.

Liên quan đến Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R, năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh K thành lập tổ công tác theo Quyết định số 1416/QĐ-UBND, trên cơ sở báo cáo số 149/BC-TCT ngày 11/11/2021 trong đó có nội dung thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh K tại Thông báo số 130/TB-VP ngày 22/01/2020.

Từ các cơ sở trên việc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND, 124/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc cho ông Lê Tiến T là đúng chủ trương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

2. Đối với nội dung khởi kiện hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Về trình tự, thủ tục:

Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011.

Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 27, Điều 29 và Điều 30 của Luật khiếu nại năm 2011.

Về hình thức văn bản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G khiếu nại bằng hình thức quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Về nội dung giải quyết:

Căn cứ vào nguồn gốc quá trình sử dụng và các chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 27/7/2004, Thông báo số 130/TB-VP ngày 22/01/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh K; Thông báo số 481/TB-UBND ngày 11/11/2021 thì việc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại giữ nguyên Quyết định số 123/QĐ-UBND, 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai cây trồng và vật kiến trúc là phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T.

Tại Văn bản số 83/UBND-NCPC ngày 15/01/2024, Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến bổ sung đối với đơn kiện của ông Lê Tiến T như sau:

Đối với diện tích 11.660,02m² (Theo Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND ngày 20/3/2018) tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang hiện nay nằm trong Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R do Công ty Cổ phần Đ1 - Đảo P làm chủ đầu tư, căn cứ vào Biên bản xét duyệt nguồn gốc của Ủy ban nhân dân xã B xác định toàn bộ diện tích 11.660,02m² là đất do Nhà nước quản

lý, do đó Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích 11.660,02m².

Hiện nay diện tích 11.660,02m² nằm trong tổng diện tích 173,53ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện Dự án Khu D. Đến nay, Ban Q chưa giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1 - Đảo P thực hiện Dự án.

Theo Biên bản xét duyệt nguồn gốc của Ủy ban nhân dân xã B xác định (có Biên bản số 152/BB-HĐ ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã B kèm theo) tổng diện tích 11.660,06m², có:

- Diện tích 4.009,26m² đã được Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Tiến T tại Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 06/01/2012.

- Diện tích 762,05m² đã được Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Văn H tại Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 06/01/2012.

- Diện tích 5.608,06m² do ông Lê Tiến T vào bao chiếm năm 2007 trồng Tràm bông vàng, sau này trồng dặm cây Đ và cây Xà C1, đến năm 2015 ông T cất nhà bị lập Biên bản đình chỉ ngày 20/5/2015.

- Diện tích 1.229,87m² do ông Lê Tiến T bao chiếm vào năm 2007, không bị lập Biên bản vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T. Đối với diện tích 11.660,0m² chỉ có Thông báo thu hồi đất của ông T để thực hiện Dự án Khu D, nhưng đến nay Ủy ban nhân dân thành phố P không ra Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là trái quy định của pháp luật, diện tích đất này hiện ông T đang quản lý, sử dụng. Đối với diện tích 6.136,05m², diện tích 2.829,80m² và 710,26m² theo các Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố P cùng với diện tích 11.660,0m² theo Thông báo thu hồi đất thì tất cả các diện tích đất này ông T có quá trình sử dụng từ năm 2002, được Ban lãnh đạo áp xác nhận nguồn gốc, theo kết quả giám định tuổi cây trồng thì ông Lê Tiến T sử dụng đất trước ngày 01/7/2004. Ngày 13/01/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về việc hỗ trợ về đất đai, cây trồng cho ông T với số tiền hỗ trợ đất và cây trồng là 2.412.318.000 đồng, Quyết định số 124/QĐ-UBND về việc hỗ trợ về đất đai, cây trồng cho ông T với số tiền hỗ trợ đất và cây trồng là 329.645.200 đồng, ông T không đồng ý với hai Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố P nên đã làm đơn khiếu nại, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T theo Quyết định này Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không thừa nhận yêu cầu giải quyết khiếu nại của ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định:

Đối với diện tích 9.676,11m² (theo Quyết định thu hồi số 7127, 7128, 7129/QĐ-UBND ngày 28/12/2020) thực hiện theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh K, nên Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ ra Quyết định hỗ trợ không ban hành Quyết định bồi thường về đất đai.

Đối với diện tích 11.660,02m² nằm trong tổng diện tích 173,53ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện Dự án Khu D. Đến nay Ban Q chưa giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện dự án, ông T vẫn đang quản lý sử dụng diện tích đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T.

Vụ án được Tòa án đổi thoại không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2024/HC –ST ngày 22-02-2024 đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 75, Điều 101 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T:

- Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

- Hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Tiến T, địa chỉ ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể: Ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất, vật kiến trúc, cây trồng, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với các diện tích 6.136,05m², 2.829,80m², 710,26m² tại ấp R, xã B, huyện (nay

là thành phố) P thay thế các Quyết định số 123/QĐ-UBND, Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối cho ông Lê Tiến T theo quy định pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T: Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 11.660,02m², tọa lạc tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND ngày 20/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc cho ông Lê Tiến T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác khởi kiện của ông Lê Tiến T.

Với lý do: Nguồn gốc sử dụng diện tích 9.676,11 m² nằm trong 10.000 m² là do ông Lê Tiến T có đơn xin mượn đất và năm 1996 Ủy ban nhân dân xã B thống nhất cho mượn. Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu trường Đại học Nông lâm Thành phố H giám định tuổi cây trên diện tích đất ông T khởi kiện, kết quả giám định tuổi cây Tràm bông vàng tính đến thời điểm giám định là 19 năm, cây Đào 18 năm tuổi là chưa phù hợp với Thông tư số 20/2022/TT –Bộ N quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền, người bị kiện kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện được triệu tập hợp lệ đến lần 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng Hành chính.

Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, dựa trên kết quả tranh tụng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện nằm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người bị kiện kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền có mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa ngày 25/02/2025 nhưng xin vắng mặt, tại phiên tòa này cũng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, đương sự trong vụ án và thẩm quyền giải quyết sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, đương sự trong vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, thấy rằng:

[2.1] Hành vi không ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với diện tích 11.660,02m² theo Thông báo số 167/TB-UBND ngày 20/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P.

Ngày 20/3/2018, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Thông báo số 167/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R đối với diện tích 11.660,02m² của ông Lê Tiến T, tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

[2.1.1] Người khởi kiện trình bày: vào năm 1996, ông đến ấp R khai khẩn. Trên đất ông trồng Tràm bông vàng, Đ, X và một số loại cây lâu năm khác. Ông Lê Tiến T đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu Cơ quan chức năng giám định tuổi cây trồng trên đất.

Ngày 21/8/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ra Quyết định số 120/2023/QĐ-TCGD trưng cầu Trường Đại học Nông lâm Thành phố H giám định tuổi cây đối với cây Tràm bông vàng và cây Đ được ông Lê Tiến T trồng trên diện tích đất canh tác.

Ngày 13/9/2023 Trường Đại học Nông lâm Thành phố H đã có “Kết quả giám định tuổi cây” số 3329/ĐHNL-LN gửi Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nội dung xác định: Tuổi cây Tràm bông vàng tính đến thời điểm giám định là 19 năm tuổi, cây Đ là 18 năm tuổi.

Từ kết quả giám định, cấp sơ thẩm xác định ông Lê Tiến T có quá trình sử dụng diện tích đất trước ngày 01/7/2004. Tại cấp sơ thẩm không người bị kiện không có ý kiến đối với kết luận giám định. Người bị kiện kháng cáo không đưa ra được chứng cứ phủ nhận kết quả trên, không tham gia phiên tòa để đưa ra quan điểm tranh luận với người khởi kiện ngoài văn bản trình bày ý kiến cơ bản như nội dung đơn kháng cáo.

[2.1.2] Người khởi kiện xác định diện tích 11.660,02m² thì Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ ra Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND, chưa ra Quyết định thu hồi đất, toàn bộ diện tích đất này hiện ông T đang quản lý, sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P tại Tòa sơ thẩm cũng cho rằng diện tích đất này chưa ban hành Quyết định thu hồi đất. Thực tế gia đình ông T vẫn đang quản lý, sử dụng và hưởng thành quả lao động đối với diện tích đất.

[2.1.3] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 11.660,02m² nằm trong tổng diện tích 173,53 ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện Dự án Khu D, diện tích 11.660,02m² chưa được Ban Q thực hiện thủ tục giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1 - Đào P thực hiện Dự án.

Ông T vẫn đang quản lý sử dụng diện tích đất này, nên quyền lợi của ông Lê Tiến T chưa bị ảnh hưởng nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của ông T là có căn cứ. Phần bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu hủy các Quyết định số 123, 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

[3.1] Thực hiện Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R, ngày 28/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành các Quyết định thu hồi đất của ông T trong đó có các Quyết định số 7127/QĐ-UBND với diện tích 6.136,05m², Quyết định thu hồi đất số 7128/QĐ-UBND với diện tích 2.829,80m²; Quyết định thu hồi đất số 7129/QĐ-UBND với diện tích 710,26m².

[3.1.2] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thể hiện diện tích đất của ông Lê Tiến T quản lý sử dụng có các diện tích 6.136,0m², 2.829,8m², 710,3m² nằm trong Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R đã được Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 7193/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái và Dân cư R.

[3.1.3] Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng đất của ông T nằm trong diện tích 94 hộ dân được Ủy ban nhân dân xã B giao cấp sai thẩm quyền qua các thời kỳ, giai đoạn từ năm 1993 đến trước ngày 01/7/2004 được thể hiện tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 27/7/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh K: “Ông Lê Tiến T được giao cấp năm 1996, diện tích 10.000m²”, nhưng không có chứng cứ giấy mượn đất lý do thất lạc.

[3.1.4] Theo Biên bản xét duyệt nguồn gốc đất số 152/BB-HĐ ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã B thì cho rằng diện tích đất của ông T vào bao chiếm từ năm 2007, nên không đủ điều kiện bồi thường. Tuy nhiên, theo Biên bản kiểm kê diện tích đất, cây trồng, vật kiến trúc của ông T ngày 07/4/2018 lại thể hiện diện tích đất 11.701,8m² có nguồn gốc tự khai năm 1993. (BL 02)

[3.1.5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 :

“2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này.”

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định: phần diện tích 6.136,0m², 2.829,8m², 710,3m² của ông Lê Tiến T quản lý, sử dụng là đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/7/2004, ông T là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đất không tranh chấp, không có giấy chứng nhận, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngoài việc bồi thường khi thu hồi đất thì nhà nước còn phải xem xét hỗ trợ theo quy định tại Điều 83 Luật Đất đai. Ông T là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Người quản lý, sử dụng đất là ông Lê Tiến T cũng không biết việc Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 27/7/2004 về việc thu hồi đất, xử lý vi phạm theo như nội dung Quyết định mà mặc nhiên sử dụng ổn định cho đến khi ra Quyết định để giao cho Dự án. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các diện tích 6.136,0m², 2.829,8m², 710,3m² nhưng chỉ ban hành Quyết định hỗ trợ đối với các diện tích đất này mà không ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường vật kiến trúc, cây trồng, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Lê Tiến T là chưa phù hợp quy định pháp luật về đất đai, nên cần phải hủy bỏ. Người bị kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh nên bác kháng cáo.

[3.3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P của ông Lê Tiến T.

Tòa cấp sơ thẩm xác định: Quyết định số 123/QĐ-UBND và Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về việc hỗ trợ về đất đai, cây trồng cho ông Lê Tiến T là không phù hợp quy định của pháp luật về đất đai nên hủy bỏ. Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành liên quan đến các Quyết định hỗ trợ đất đai, cây trồng với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Tiến T là không đúng quy định pháp luật, nên hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là phù hợp quy định của pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh nên bác kháng cáo về phần này.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, Ủy ban nhân dân thành phố P mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 225 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 75, Điều 101 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T:

- Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với ông Lê Tiến T.

- Hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Tiến T, địa chỉ ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể: Ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất, vật kiến trúc, cây trồng, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với các diện tích 6.136,05m², 2.829,80m², 710,26m² tại ấp R, xã B, huyện (nay

là thành phố) Phú Quốc thay thế các Quyết định số 123/QĐ-UBND, Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối cho ông Lê Tiến T theo quy định pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến T: Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 11.660,02m², tọa lạc tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND ngày 20/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc cho ông Lê Tiến T.

[3] Án phí hành chính:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Lê Tiến T 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001377 ngày 14/7/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Ủy ban nhân dân thành phố P nộp 300.000 đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nộp 300.000 đồng.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ủy ban nhân dân thành phố P nộp 300.000 đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nộp 300.000 đồng.

Được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0007819 ngày 25 tháng 3 năm 2024 và biên lai thu số: 0006432 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang thành án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP (5), HS (2). 15b. (Án LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn